Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 09.11.2026 11:32:19 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 30 /2026/VBHN-TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học,

Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP), bao gồm:

a) Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là chương trình, nhiệm vụ). Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phân loại nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số

---

[1] Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:
"*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*
Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;
Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập."

267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP); Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 268/2025/NĐ-CP).

b) Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là hoạt động hỗ trợ).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ, bao gồm:

a) Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nội dung nghiên cứu để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP (sau đây viết tắt là nội dung nghiên cứu) là nội dung cần thực hiện, được trình bày trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để đạt được mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ theo đặt hàng, tài trợ. Nội dung nghiên cứu bao gồm một hoặc nhiều công việc cần thực hiện.

2. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là chức danh) là người trực tiếp thực hiện các nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này bao gồm: chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

3. Nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là nhóm chức danh) là tập hợp các cá nhân có cùng chức danh theo quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ.

4. Chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là người có trình độ từ đại học trở lên, có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cần thực hiện trong nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đã là thành viên tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương đương với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cần tư vấn.

Đối với chuyên gia trong nước tư vấn về chuyển giao công nghệ, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ, thiết kế kiểu dáng công nghiệp ngoài các tiêu chí nêu trên cần có: công trình công bố liên quan, bằng cấp chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực tư vấn.

5. Chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài phải đáp ứng tiêu chí chuyên gia quy định tại quy định tại Điều 3 Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là các hoạt động, công việc chuyên môn thuộc phạm vi của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt do tổ chức chủ trì thuê tổ chức, cá nhân khác có chức năng, năng lực và kinh nghiệm phù hợp thực hiện thông qua hợp đồng dịch vụ nhằm bảo đảm việc triển khai nhiệm vụ theo mục tiêu, chất lượng và tiến độ đã cam kết.

7. Tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ là đơn vị dùng để xác định mức thù lao cho từng chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu/kết quả công việc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện và trách nhiệm của chức danh hoặc nhóm chức danh đối với nội dung nghiên cứu/kết quả công việc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, không gắn với thời gian theo tháng dương lịch.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chương trình nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ

1. Các định mức xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước để tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là các bộ, cơ quan trung ương) quy định nội dung và các mức chi cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

3. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn được áp dụng quy định tại Thông tư này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

5. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại tiểu điểm a3 điểm a khoản 7 Điều 6 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được chủ động áp dụng quy định tại Thông tư này trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

6. Các định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước

không quy định cụ thể tại Thông tư này được thực hiện theo các quy định pháp luật của nhà nước có liên quan.

Điều 4. Kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ

1. Nguồn ngân sách nhà nước trung ương hằng năm được giao cho các bộ, cơ quan trung ương dùng để đặt hàng thực hiện các chương trình, nhiệm vụ hướng đến mục tiêu bố trí tối thiểu 70% trong tổng số dự toán chi ngân sách nhà nước cho đặt hàng và tài trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại tiểu điểm đ1 điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Nguồn ngân sách địa phương để thực hiện chương trình, nhiệm vụ đặt hàng hằng năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt hướng đến mục tiêu bố trí tối thiểu 70% trong tổng dự toán chi ngân sách nhà nước đặt hàng, tài trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại tiểu điểm đ1 điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Nguồn ngân sách nhà nước trung ương và ngân sách địa phương hằng năm còn lại sau khi đã bố trí để đặt hàng thực hiện các chương trình, nhiệm vụ được bố trí để tài trợ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ. Căn cứ và trình tự thực hiện tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Mức đảm bảo của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản;

b) Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ phát triển công nghệ và nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội với mức bảo đảm kinh phí như sau:

b1) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tối đa 80% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội;

b2) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ;

b3) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại tiểu điểm b1 và b2 điểm này do doanh nghiệp thực hiện, ngân sách nhà nước không bảo đảm

kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

c) Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để xét tài trợ thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP như sau:

c1) Đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, kết quả thực hiện nhiệm vụ để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có, ngân sách nhà nước bảo đảm tối đa không quá 30% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

c2) Đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới, ngân sách nhà nước bảo đảm tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

c3) Đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại tiểu điểm c1 và tiểu điểm c2 điểm này do doanh nghiệp thực hiện, ngân sách nhà nước không bảo đảm kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

c4) Đối với các nhiệm vụ quy định tại các tiểu điểm c1 và c2 điểm này, Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đề xuất tỉ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại tiểu điểm c1 và tiểu điểm c2 điểm này và trình Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét, phê duyệt.

d) Đối với nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí thực hiện bao gồm:

d1) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý;

d2) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ mà chủ sở hữu quyền là cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

d3) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ để phát triển công nghệ chiến lược theo Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

đ) Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình, nhiệm vụ được quy định tại Chương II của Thông tư này và theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không vượt quá 2,5 lần giá trị đóng góp của đối tác nước ngoài đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ:

a) Mức chi từ nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp do doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp tự quyết định;

b) Các khoản chi của doanh nghiệp trực tiếp cho chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

c) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo quy định về nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

5. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

6. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp tham gia thực hiện các chương trình, nhiệm vụ cần xây dựng phương án và chủ động huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu về kinh phí, chi tiết theo từng nguồn nêu tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này và thuyết minh rõ khả năng huy động các nguồn tài chính để thực hiện.

Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí huy động theo đúng phương án huy động các nguồn tài chính, bảo đảm cơ cấu theo tỷ lệ với nguồn ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

Điều 5. Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ như sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đối với các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP theo các nội dung chi và mức hỗ trợ quy định tại Điều 38 của Thông tư này.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động hỗ trợ tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP được phê duyệt theo nguyên tắc như sau:

b1) Đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ;

b2) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở ngoài công lập, doanh nghiệp và tổ chức khác, mức tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ;

c) Nội dung và mức chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo các quy định tại Chương III của Thông tư này và theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước;

d) Số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại điểm b khoản này được xác định trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp lệ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ và tối đa không vượt quá số kinh phí được phê duyệt thực hiện hoạt động hỗ trợ.

2. Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp để thực hiện hoạt động hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 4 của Thông tư này.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 6. Các nội dung chi cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP

1. Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 8 của Thông tư này. Tiêu chí xác định chuyên

gia trong nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiêu chí xác định chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài được quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư này.

2. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm cả chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo).

3. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

9. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10. Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

11. Chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

12. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

13. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 7. Các nội dung chi cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP

1. Chi hỗ trợ nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu công nghệ (phí cấp phép, phí chuyển nhượng, phí đối với bí quyết công nghệ); kết quả nghiên cứu, giải pháp chuyển đổi số; mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ.

2. Chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ.

3. Chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất thử nghiệm để hiệu chỉnh và hoàn thiện quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất (bao gồm cả sản xuất thử nghiệm loạt sản phẩm đầu tiên).

4. Chi thuê chuyên gia tư vấn về chuyển giao công nghệ, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp.

5. Chi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới.

6. Chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm.

7. Chi thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hoá tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới.

8. Chi hỗ trợ thử nghiệm với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật; chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; chi thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế; chi áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; chi xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh; đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hóa.

9. Chi cho thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm tham gia trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước.

10. Chi hỗ trợ bằng hình thức cấp phiếu hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CÁC CHỨC DANH THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 8. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật liên quan (nếu có).

c) Mỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Thư ký khoa học

a) Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Mỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ có một thư ký khoa học.

3. Thành viên chính

a) Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Trong một nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung nghiên cứu được chủ trì thực hiện bởi một thành viên chính.

4. Thành viên

Thành viên thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông)

Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Việc lập dự toán chi tiết thù lao cho các chức danh phải gắn với các nội dung nghiên cứu và các công việc cụ thể trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật.

Điều 9. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

1. Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H_{CD})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

2. Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

Điều 10. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

2. Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{TL_{CN} = 1{,}0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T}$$

Trong đó:

TL_{CN}: Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng được quy đổi của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

3. Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư này được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{TL_{TK} = 0{,}3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T}$$

Trong đó:

TL_{TK}: Thù lao của thư ký khoa học;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

4. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}}$$

Trong đó:

TL_{NCD}: Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

H_{CD}: Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này;

Σt_{NCD}: Tổng số tháng được quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

5. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày được quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times (\Sigma t_n/26)}$$

Trong đó:

TL_{NCD}: Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

H_{CD}: Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này;

Σt_n: Tổng số ngày được quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ($t_n < 26$).

6. Việc lập dự toán chi thù lao cho các chức danh và nhóm chức danh thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

Điều 11. Thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ.

2. Định mức thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này.

Điều 12. Thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các trường hợp được thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Khi nhiệm vụ có các nội dung nghiên cứu cần chuyên gia phối hợp giải quyết;

b) Việc thuê chuyên gia được thực hiện theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trong trường hợp cần thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước theo quy định tại Điều 14 Thông tư này, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm

nhiệm vụ căn cứ yêu cầu công việc cần thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết và kết quả dự kiến của việc thuê chuyên gia, lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ để hội đồng xem xét, đánh giá, trình cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định phê duyệt nhiệm vụ.

Mục 3

QUY ĐỊNH VỀ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 6 NGHỊ ĐỊNH SỐ 265/2025/NĐ-CP

Điều 13. Xác định dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một khoản tiền bù đắp cho công sức lao động trí óc đối với các kết quả công việc theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP hoặc nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư này. Mức thù lao cụ thể cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xem xét, quyết định trong phạm vi mức trần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dự kiến đối với từng loại hình nhiệm vụ được quy định tại Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Đối với nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi thành tháng tối đa không quá 70 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư này hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Căn cứ quy định về các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 8 Thông tư này và hệ số lao động khoa học của các chức danh hoặc nhóm chức danh quy định tại Điều 9 Thông tư này, căn cứ theo tính chất và mức độ đóng góp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền thù lao chi tiết theo các chức danh hoặc nhóm chức danh thực

hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi theo tháng tham gia của các chức danh hoặc nhóm chức danh.

Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc một nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được rà soát khi thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không quy đổi đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của một tháng chia cho 26 ngày và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng.

3. Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

4. Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Xác định dự toán chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán chi thuê chuyên gia trong nước

a) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại

Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 004/2025/TT-BNV). Tổng dự toán kinh phí thực hiện thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư này;

b) Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi có văn bản giải trình của cơ quan chủ trì nhiệm vụ;

2. Dự toán chi thuê chuyên gia ngoài nước là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài

a) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, hiệu quả của việc thuê chuyên gia cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng xem xét, trình cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

b) Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đặc thù hoặc công nghệ lõi của chuyển đổi số có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải trình cụ thể lý do để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách của Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-

CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách của chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo quy định tại Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 15. Dự toán chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng dự kiến được xây dựng căn cứ:

a) Số lần làm thí nghiệm và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng cần sử dụng và tỷ lệ tiêu hao mỗi lần dự kiến;

b) Số lượng mẻ sản xuất thử nghiệm (nếu có) và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng cần sử dụng và tỷ lệ tiêu hao mỗi lần dự kiến;

c) Số lượng mô hình vật mẫu dự kiến, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng dự kiến;

d) Số lần, số lượng lấy mẫu để xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ đăng ký bảo hộ, quản lý quyền sở hữu trí tuệ;

đ) Số lần thử nghiệm phục vụ hoàn thiện sản phẩm trước khi nghiệm thu (nếu có) và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng cần sử dụng và tỷ lệ tiêu hao mỗi lần dự kiến;

e) Dự toán về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng dự kiến được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến về khối lượng công việc nghiên cứu, chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), định mức sử dụng vật tư theo yêu cầu vận hành thiết bị, phòng thí nghiệm hoặc theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có), giá niêm yết trên thị trường hoặc báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

2. Dự toán về mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng được xây dựng dự toán căn cứ:

a) Số lượng mẫu vật dự kiến cần thu thập, phân tích, hoặc thử nghiệm;

b) Số lượng dụng cụ tiêu hao dùng một lần căn cứ: số lượng thí nghiệm dự kiến và số lượng người tham gia thực hiện thí nghiệm dự kiến;

c) Số lượng phụ tùng và vật rẻ tiền mau hỏng căn cứ: kế hoạch bảo trì, công bảo trì, tần suất hỏng hóc dự kiến của thiết bị nghiên cứu để xác định số lượng phụ tùng dự kiến; số lượng thiết bị nghiên cứu, mô hình để xác định số lượng vật rẻ tiền mau hỏng dự kiến;

d) Dự toán về mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng dự kiến được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến về khối lượng công việc nghiên cứu, chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), định mức sử dụng vật tư theo yêu cầu vận hành thiết bị, phòng thí nghiệm hoặc theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có), giá niêm yết trên thị trường hoặc báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

3. Dự toán tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo được xây dựng căn cứ: danh mục tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo cần dùng và giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

4. Dự toán mua quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: dự toán được lập theo các căn cứ dưới đây và thanh toán theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả:

a) Giá thỏa thuận giữa bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ;

b) Báo giá dịch vụ tư vấn định giá tài sản trí tuệ đối với đối tượng quyền được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng, số lượng đối tượng quyền được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng;

c) Báo giá dịch vụ tư vấn của tổ chức tư vấn/tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán;

d) Mức phí, lệ phí đăng ký, thẩm định, cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ được công bố tại thời điểm lập dự toán, bao gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, phần mềm được bảo hộ, nhãn hiệu, giống cây trồng dự kiến cần thiết để triển khai nghiên cứu hoặc sản xuất thử nghiệm.

5. Dự toán mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng căn cứ vào sự cần thiết của việc sử dụng dữ liệu khoa học chuyên ngành, số lượng quyền truy cập theo gói năm hoặc gói người dùng cần thiết dự kiến, báo giá từ nhà cung cấp dịch vụ

dữ liệu (quốc tế hoặc trong nước) hoặc giá niêm yết thuê quyền truy cập tại thời điểm lập dự toán.

6. Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan; việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc thanh toán, quyết toán kinh phí phải dựa trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và nằm trong tổng mức kinh phí khoán của nhiệm vụ đã được phê duyệt, phù hợp với các quy định tài chính hiện hành về cơ chế khoán chi.

7. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ mục tiêu giải mã công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược sử dụng ngân sách nhà nước, việc mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã công nghệ thực hiện theo giá thỏa thuận, thanh toán theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mua bí quyết công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, việc mua trực tiếp bí quyết công nghệ thực hiện theo giá thỏa thuận, thanh toán theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ lĩnh vực quốc phòng, an ninh được phép mua công nghệ, sản phẩm, thiết bị, bí quyết công nghệ theo cơ chế đặc thù do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 16. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có). Việc sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và trong phạm vi dự toán hàng năm.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 17. Dự toán chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán được xây dựng trên cơ sở quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí.

2. Dự toán phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn ở trong nước và nước ngoài phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập căn cứ vào mức phí tham gia do Ban tổ chức thông báo.

3. Thông tư này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.000.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 700.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 5.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

Điều 18. Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở thuyết minh sự cần thiết, dự kiến khối lượng công việc cần thuê, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

Điều 19. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có); hoặc theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 20. Dự toán chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn

Dự toán chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở thuyết minh nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

Điều 21. Dự toán phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế

Dự toán phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế được xây dựng trên cơ sở số lượng công trình khoa học và công nghệ dự kiến công bố phù hợp với yêu cầu và kết quả dự kiến của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mức phí công bố của từng tạp chí/hội thảo khoa học trong nước, mức phí công bố của từng tạp chí/hội thảo khoa học quốc tế, mức phí công bố được niêm yết công khai của các nhà xuất bản tại thời điểm lập dự toán, phí chuyển khoản và nghĩa vụ thuế (nếu có).

Điều 22. Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Dự toán chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở:

1. Số lượng thành viên tham gia đánh giá, địa điểm đánh giá, phương thức đánh giá.

2. Mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm

2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 23. Dự toán chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Dự toán chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở:

1. Số lượng hồ sơ, đối tượng dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Mức phí liên quan đến đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế được công bố tại thời điểm lập dự toán.

3. Báo giá dịch vụ tư vấn của tổ chức, cá nhân tư vấn/tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán.

Điều 24. Dự toán chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác)

Dự toán chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 25. Dự toán chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển khai thực hiện, chi phí hành chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tổ chức chủ trì.

2. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 26. Dự toán chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có)

Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Mục 4

QUY ĐỊNH VỀ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 6 NGHỊ ĐỊNH SỐ 265/2025/NĐ-CP

Điều 27. Dự toán chi hỗ trợ nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu công nghệ (phí cấp phép, phí chuyển nhượng, phí đối với bí quyết công nghệ); kết quả nghiên cứu, giải pháp chuyển đổi số; mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ

1. Dự toán chi phí liên quan đến quyền sử dụng/sở hữu công nghệ:

a) Dự toán phí cấp phép được xác định trên cơ sở theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu dự kiến; hoặc số lượng sản phẩm sử dụng công nghệ dự kiến; hoặc mức phí cố định hằng năm dự kiến; và báo cáo thẩm định giá (nếu có);

b) Dự toán phí chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ được xác định trên cơ sở căn cứ hồ sơ định giá công nghệ (do tổ chức định giá công nghệ, tổ chức, cá nhân tư vấn, tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ thực hiện) hoặc giá thỏa thuận trên hợp đồng chuyển nhượng dự kiến đã tham khảo thị trường và báo cáo thẩm định giá (nếu có);

c) Dự toán phí mua/nhận chuyển giao bí quyết công nghệ được xác định trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc hoặc biên bản thỏa thuận với đối tác và báo cáo thẩm định giá (nếu có).

2. Dự toán chi phí đối với kết quả nghiên cứu và giải pháp số:

a) Dự toán chi phí mua hoặc tiếp nhận kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được xác định trên cơ sở chi phí nghiên cứu đã đầu tư theo số liệu báo cáo quyết toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ và giá trị thương mại dự kiến (khả năng ứng dụng vào sản xuất, tạo sản phẩm, doanh thu kỳ vọng);

b) Dự toán phí triển khai giải pháp chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tổ chức được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp, bao gồm:

b1) Dự toán chi cho tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh;

b2) Dự toán thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh;

b3) Chi phí thuê dịch vụ hạ tầng đám mây để huấn luyện mô hình AI, lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn;

b4) Chi phí mua quyền sử dụng các phần mềm, nền tảng chuyên dụng theo năm (phần mềm quản lý nội dung số, phần mềm dựng-phát, nền tảng an ninh mạng);

b5) Chi phí mua hoặc thuê các bộ dữ liệu lớn, đã được chuẩn hóa để phục vụ nghiên cứu, huấn luyện và phát triển AI.

3. Dự toán chi phí mua thông tin, dữ liệu và tài liệu kỹ thuật:

a) Dự toán chi phí mua thông tin về công nghệ (cơ sở dữ liệu, báo cáo công nghệ, thông tin thị trường công nghệ) được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp;

b) Dự toán chi phí mua tài liệu thiết kế, bản vẽ, quy trình công nghệ được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp tài liệu thiết kế, bản vẽ, quy trình công nghệ và báo cáo thẩm định giá (nếu có);

c) Dự toán chi phí mua tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ áp dụng công nghệ được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp tiêu chuẩn kỹ thuật.

4. Dự toán chi phí mua sắm phần mềm và công cụ hỗ trợ:

a) Dự toán chi mua phần mềm và công cụ hỗ trợ phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chuyển giao, vận hành công nghệ được xác định trên cơ sở tên phần mềm và công cụ hỗ trợ; chức năng và mục đích sử dụng phần mềm và công cụ hỗ trợ; phiên bản và các thông số kỹ thuật của phần mềm và công cụ hỗ trợ; báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp;

b) Dự toán chi phí bảo trì, nâng cấp phần mềm đi kèm (nếu có) được xác định trên cơ sở báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp.

5. Tài liệu là minh chứng làm căn cứ để xây dựng dự toán cho các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này tại thời điểm lập dự toán là: báo giá, hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng dự kiến, giấy phép/văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, báo cáo thẩm định giá (nếu có).

Điều 28. Dự toán chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ

1. Dự toán chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm được xác định trên cơ sở thuyết minh quy trình công nghệ dự kiến để xác định yêu cầu kỹ thuật của thiết bị đo lường, kiểm soát chất lượng; giá lập dự toán được căn cứ bằng một trong các cách sau: giá công bố; báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán hoặc giá được duyệt của thiết bị tương đương đã được phê duyệt ở nhiệm vụ đổi mới sáng tạo khác.

2. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ được xác định theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

Điều 29. Dự toán chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất thử nghiệm để hiệu chỉnh và hoàn thiện quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất (bao gồm cả sản xuất thử nghiệm loạt sản phẩm đầu tiên)

1. Dự toán chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng được xác định căn cứ theo: số lượng mẻ sản xuất thử nghiệm và số lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng tiêu hao mỗi lần sản xuất thử nghiệm dự kiến.

2. Dự toán được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), giá niêm yết trên thị trường và báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

Điều 30. Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn về chuyển giao công nghệ, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp

1. Dự toán được xây dựng trên cơ sở căn cứ thuyết minh nội dung công

việc, quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp bao gồm:

a1) Hỗ trợ tư vấn đăng ký bảo hộ trong nước và đăng ký bảo hộ ở nước ngoài, đăng ký quốc tế đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Hợp đồng tư vấn đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ;

a2) Hỗ trợ tư vấn đăng ký văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu trong nước và bảo hộ quốc tế, bảo hộ ở nước ngoài (không bao gồm nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể) đối với Hợp đồng tự đăng ký, thiết kế kiểu dáng, hệ thống nhận diện thương hiệu để đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

a3) Hỗ trợ tư vấn gia hạn, duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ: Theo công bố về phí, lệ phí duy trì, gia hạn văn bằng bảo hộ của cơ quan sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán;

a4) Hỗ trợ tư vấn kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, quản lý kiểm soát chất lượng sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhẫn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể;

a5) Hỗ trợ tư vấn xây dựng Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam hoặc cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý ở nước ngoài về tình hình quản lý chỉ dẫn địa lý;

a6) Hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về sở hữu trí tuệ, tư vấn về bảo vệ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài cho doanh nghiệp, tổ chức;

b) Hỗ trợ tư vấn chuyển giao công nghệ;

c) Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng bao gồm:

c1) Hỗ trợ tư vấn xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở của doanh nghiệp;

c2) Hỗ trợ tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến nâng cao năng suất.

Trường hợp hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất có kết hợp với giải pháp chuyển đổi số, ngoài việc hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý, công cụ năng suất theo các mức ở trên, mức hỗ trợ áp dụng giải pháp chuyển đổi số áp dụng theo quy định tại tiểu điểm b1 và tiểu điểm b2 điểm b khoản 2 Điều 27 Thông tư này.

c3) Hỗ trợ tư vấn đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nhận năng lực chứng nhận, công nhận năng lực phòng thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn;

c4) Hỗ trợ tư vấn xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP), trong đó:

Đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực: mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 60 triệu đồng/01 TCVN có độ dày dưới 50 trang; đối với độ dày từ 50 trang trở lên thì mức hỗ trợ thêm được xác định như sau: đối với TCVN có độ dày dưới 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm tối đa 20 triệu đồng; đối với TCVN có độ dày trên 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm tối đa 15 triệu đồng. Căn cứ thanh toán là TCVN được cấp có thẩm quyền công bố; QCVN, QCĐP được cấp có thẩm quyền ban hành.

Đối với TCVN, QCVN, QCĐP được xây dựng mới, mức hỗ trợ được xác định theo khối lượng công việc thực tế phát sinh; tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu do Nhà nước quy định và báo giá của nhà cung cấp đối với hạng mục thuê ngoài. Riêng với hạng mục xây dựng dự thảo TCVN, QCVN, QCĐP được xác định bằng 40% mức hỗ trợ đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực tại tiểu điểm này.

Điều 31. Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới

Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới được xác định căn cứ thuyết minh nội dung công việc, báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ trong nước và ngoài nước tại thời điểm lập dự toán.

Điều 32. Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ

đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm

1. Dự toán chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc cần thuê, chế độ, định mức theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và các báo giá liên quan.

2. Dự toán thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm được xây dựng trên cơ sở thuyết minh số lượng thí nghiệm và thử nghiệm dự kiến, yêu cầu máy móc, trang thiết bị của phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm, chế độ, định mức theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và các báo giá liên quan.

Điều 33. Dự toán chi thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hoá tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới

Dự toán chi thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hoá tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới được xác định dựa trên các căn cứ thuyết minh nội dung công việc và báo giá của đơn vị tư vấn, đơn vị thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng hoặc báo giá của tổ chức khoa học và công nghệ tại thời điểm lập dự toán.

Điều 34. Dự toán chi hỗ trợ thử nghiệm với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật; chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; chi thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn quốc tế; chi áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; chi xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh; đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hoá

1. Dự toán hỗ trợ chi phí thử nghiệm với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện được xác định căn cứ thuyết minh về số lượng mẫu thử, nhóm tiêu chuẩn áp dụng và phạm vi thử nghiệm dự kiến; báo giá từ tổ chức thử nghiệm đạt chuẩn quốc tế (trong

nước hoặc nước ngoài) tại thời điểm lập dự toán; tham khảo mức giá dịch vụ của các tổ chức kiểm định quốc tế. Dự toán bao gồm các nội dung:

a) Dự toán phí thử nghiệm, kiểm nghiệm, chứng nhận sản phẩm xuất khẩu: thử nghiệm theo tiêu chuẩn quốc tế; đánh giá an toàn, chất lượng, độ bền, tương thích điện từ, khả năng tái chế; phí chứng nhận hoặc công nhận kết quả thử nghiệm;

b) Dự toán chi phí gửi mẫu, bảo hiểm mẫu, vận chuyển mẫu thử sang phòng thí nghiệm nước ngoài (nếu trong nước chưa có năng lực tương đương);

c) Dự toán chi phí dịch vụ hỗ trợ thử nghiệm quốc tế: Dịch thuật hồ sơ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, bản mô tả sản phẩm; phí tư vấn chuẩn bị hồ sơ thử nghiệm (nếu cần);

d) Dự toán chi phí so sánh kết quả thử nghiệm và điều chỉnh công nghệ theo yêu cầu chứng nhận: Chi phân tích, rà soát lỗi sản phẩm, điều chỉnh quy trình sản xuất để đạt chuẩn quốc tế.

2. Dự toán hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy được lập dự toán theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Dự toán chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế được xác định căn cứ số lượng tiêu chuẩn xây dựng và áp dụng dự kiến; báo giá dịch vụ của tổ chức hoặc chuyên gia được công nhận tại thời điểm lập dự toán; mức chi đào tạo, hội thảo theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

4. Hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định tại khoản 5 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa với mức tối đa 30% giá trị hợp đồng thử nghiệm và chứng nhận. Tiêu chí xác định hỗ trợ theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Dự toán chi áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng được xác định theo quy định tại tiểu điểm c2 điểm c khoản 2 Điều 30 Thông tư này.

6. Dự toán chi xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh được xác định căn cứ thuyết minh về số lượng hệ thống, chứng chỉ áp dụng dự kiến; báo giá của tổ chức công nhận, tổ chức tư vấn theo quy định tại thời điểm lập dự toán, trong đó:

a) Hỗ trợ chi phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định tại tiểu điểm c4 điểm c khoản 2 Điều 30 Thông tư này;

b) Hỗ trợ chi phí áp dụng tiêu chuẩn, hệ thống quản lý, công cụ năng suất thực hiện theo quy định tại tiểu điểm c2 điểm c khoản 2 Điều 30 Thông tư này;

c) Hỗ trợ chi phí chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn thực hiện theo tiểu điểm c3 điểm c khoản 2 Điều 30 Thông tư này.

7. Dự toán chi đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hoá được xác định dựa trên thuyết minh số lượng sản phẩm, hàng hoá đăng ký lưu hành dự kiến; báo giá từ tổ chức chứng nhận, cơ quan kiểm định, phòng thử nghiệm được công nhận; mức phí phải nộp theo quy định tại thời điểm lập dự toán. Bao gồm các nội dung sau:

a) Dự toán chi phí thực hiện thủ tục đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hoá, bao gồm: lệ phí đăng ký lưu hành, công bố hợp quy, công bố tiêu chuẩn áp dụng; chi phí chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ đăng ký;

b) Dự toán chi phí thuê tư vấn, dịch vụ kỹ thuật: dịch vụ tư vấn lập hồ sơ đăng ký, hoàn thiện quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; dịch vụ thử nghiệm mẫu phục vụ hồ sơ đăng ký (thử nghiệm an toàn, vệ sinh, hiệu năng);

c) Dự toán chi phí dịch thuật, chứng nhận, công chứng, hợp pháp hóa lãnh sự (nếu có);

d) Dự toán chi phí kiểm tra, thẩm định hồ sơ do cơ quan nhà nước, tổ chức chứng nhận thực hiện.

Điều 35. Dự toán chi cho thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm tham gia trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước

Dự toán chi cho thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm tham gia trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước được xác định dựa trên một trong các căn cứ sau:

1. Thuyết minh về số lượng thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá sản phẩm dự kiến.

2. Báo giá hoặc hợp đồng nguyên tắc của đơn vị kiểm nghiệm, trung tâm thử nghiệm, hoặc báo giá của tổ chức có năng lực tại thời điểm lập dự toán.

3. Định mức chi (nếu có) hoặc giá dịch vụ tương đương trên thị trường tại thời điểm lập dự toán cho các nội dung sau: thử nghiệm sản phẩm tại phòng thí nghiệm được công nhận; kiểm nghiệm các chỉ tiêu hóa lý, cơ lý, sinh học, độ bền, độ ổn định; đánh giá mức độ phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật; thử nghiệm sản phẩm mẫu trong điều kiện sản xuất thực tế.

Điều 36. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán chi cho hỗ trợ bằng hình thức cấp phiếu hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho

doanh nghiệp tiếp cận thị trường và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới

Việc lập dự toán chi cho hỗ trợ bằng hình thức cấp phiếu hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 37. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ chi trả tiền lãi suất vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Điều kiện, thời hạn, mức hỗ trợ và quy trình hỗ trợ lãi suất vay cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA; HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THÚC ĐẨY VĂN HÓA ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 38. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước cho hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi hỗ trợ cho nhà khoa học trẻ tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; chi hỗ trợ nhà khoa học tham dự báo cáo công trình nghiên cứu xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành bao gồm các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước như sau:

a) Một vé máy bay, phương tiện khác khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến nơi tổ chức hội nghị, hội thảo;

b) Chi phí đi lại từ nhà, nơi ở của nước đến đến sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu và ngược lại;

c) Tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn và tiêu vặt ở nước đến tham dự hội nghị, hội thảo, tiền bảo hiểm trong thời gian đi tham dự hội nghị, hội thảo;

d) Phí tham dự hội nghị, hội thảo theo quy định của ban tổ chức (nếu có);

đ) Chi phí visa và công chứng dịch thuật có liên quan.

2. Dự toán chi đoàn ra, đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC; Thông tư số 102/2012/TT-BTC.

3. Dự toán chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng bao gồm ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Một lần chi phí đi lại tới đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ, cơ quan, tổ chức giáo dục, đào tạo nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ và ngược lại cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d của khoản này;

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí cho người thực hiện nghiên cứu quy định tại khoản này không sống tại tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu trong thời gian không quá 12 tháng với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/01 tháng cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản này;

c) Hỗ trợ kinh phí chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng;

d) Hỗ trợ kinh phí tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho nghiên cứu sinh, học viên cao học.

4. Dự toán chi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong đó ưu tiên cho nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cá nhân nhà khoa học đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài:

a) Hỗ trợ tối đa 06 tháng tiền sinh hoạt phí theo mức quy định tại Thông tư số 30/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030;

b) Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trong thời gian ở nước đi thực tập, nghiên cứu theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC;

c) Hỗ trợ một lần trong toàn bộ thời gian đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài: một vé máy bay, phương tiện khác khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến đơn vị chủ trì nghiên cứu; chi phí đi lại từ nhà, nơi ở của nước đến đến sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu và ngược lại.

5. Dự toán chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Dự toán chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ở Việt Nam do ngân sách nhà nước hỗ trợ gồm:

a) Chi phí thuê địa điểm, phòng họp, hội trường, thiết bị kỹ thuật theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng C quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC; chi phí đi lại (vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông và chi phí đi lại tại Việt Nam) của nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo;

c) Chi phí ăn ở, đi lại của Ban tổ chức theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

7. Dự toán chi công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong nước và quốc tế do ngân sách nhà nước hỗ trợ gồm:

a) Hỗ trợ 100% phí công bố (phí đăng tải kết quả nghiên cứu) cho công trình khoa học và công nghệ do cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học thực hiện;

b) Trường hợp công bố kết quả nghiên cứu do cá nhân nhà khoa học thực hiện không sử dụng ngân sách nhà nước, ngoài kinh phí công bố kết quả nghiên cứu quy định tại điểm a khoản này, cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học sẽ được hỗ trợ thêm 2 tháng tiền công lao động khoa học tương ứng với thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư này. Đối với nhóm nhà khoa học, người đăng ký hỗ trợ là người được nhóm nhà khoa học xác nhận là tác giả chính;

c) Điều kiện xem xét hỗ trợ và tiêu chí hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 53 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Dự toán chi hỗ trợ nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học được ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản sau đây:

Dự toán chi hỗ trợ nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học được ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản sau đây:

a) Kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài tư vấn về xuất bản tạp chí theo mức thương thảo tiền thuê chuyên gia của tạp chí khoa học đề xuất hỗ trợ, trong đó thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia;

b) Phí xuất bản trong thời gian không quá 02 năm để các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới nhận xuất bản tạp chí được lập dự toán theo báo giá của nhà xuất bản tại thời điểm đề xuất hỗ trợ;

c) Kinh phí thuê biên tập tiếng Anh trong thời gian không quá 02 năm. Mức chi thuê biên tập tiếng Anh được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

9. Dự toán chi tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có kết quả xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo: mức khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 50 Nghị định 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

10. Dự toán chi hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Một vé máy bay khứ hồi hạng thương gia/phổ thông đặc biệt từ nước ngoài đến Việt Nam. Việc xác định mức hỗ trợ phụ thuộc vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và mức độ đóng góp của nhà khoa học nước ngoài đối với hoạt động nghiên cứu; hợp tác và đào tạo của tổ chức tiếp nhận tại Việt Nam;

b) Chi phí đi lại phát sinh tại Việt Nam và chi phí đi lại từ nhà, nơi ở tại Việt Nam đến sân bay và ngược lại;

c) Chi phí thuê chỗ ở trong thời gian tối đa 03 tháng, chi phí ăn hàng ngày theo mức Đoàn viên Đoàn khách hạng B quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC;

d) Chi dịch thuật phục vụ trao đổi học thuật quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

11. Dự toán chi hỗ trợ, tài trợ thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng tổng công trình sư, nhân tài, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ, chính sách, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

12. Dự toán chi hỗ trợ hoạt động sáng kiến theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP: Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 39. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Dự toán chi đào tạo, chi nâng cao năng lực cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức các khóa đào tạo trong nước, nước ngoài; thuê chuyên gia trong nước, quốc tế:

a) Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế đưa vào chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

b1) Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

b2) Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện hoạt động.

c) Hỗ trợ chi phí tổ chức các khóa đào tạo cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

2. Dự toán chi cho kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư mạo hiểm ở trong nước với khu vực và thế giới; thuê chuyên gia hỗ trợ, kết nối đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; chi hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) bao gồm:

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; Thông tư số 71/2018/TT-BTC (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo có tính chất quốc tế theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế bao gồm:

b1) Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê

duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

b2) Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Dự toán chi hỗ trợ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: chi tổ chức hội nghị, hội thảo, đoàn giao dịch thương mại và sự kiện xúc tiến thương mại ở trong nước, nước ngoài, công tác phí cho người đi công tác ở trong nước, nước ngoài; chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam; chi điều tra, khảo sát tìm hiểu thông tin, nghiên cứu đánh giá nhu cầu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; chi thuê chuyên gia tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm, thâm nhập thị trường nước ngoài; chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, đánh giá thị trường, sản phẩm; chi tuyên truyền, quảng bá, cung cấp thông tin, xây dựng và phát hành các ấn phẩm phục vụ chương trình xúc tiến thương mại.

Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

4. Dự toán chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu.

a) Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, bao gồm:

a1) Hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung;

a2) Hỗ trợ tối đa không quá 5 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

b) Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu: thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

5. Dự toán chi tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện; tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các đơn vị cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương, quốc gia, quốc tế.

a) Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia;

c) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC; Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo trong nước).

d) Tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở:

d1) Căn cứ theo điều kiện cụ thể, các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương, đơn vị cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức và quy chế xét tặng giải thưởng cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở theo quy định tại Nghị định 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và

giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt là Nghị định số 263/2025/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn (nếu có);

d2) Nội dung và mức chi: Thực hiện theo nội dung và mức chi áp dụng đối với hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật do các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;

d3) Đối với cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo mà tiền thưởng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước: Thời hạn tổ chức cuộc thi xét tặng giải thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 263/2025/NĐ-CP;

d4) Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở: Nội dung, mức chi và thời hạn tổ chức cuộc thi xét tặng giải thưởng thực hiện theo thỏa thuận xét tặng giải thưởng cụ thể của các tổ chức, cá nhân tài trợ sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tổ chức, cá nhân đó tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật.

6. Dự toán chi tôn vinh, trao giải cho các dự án, cá nhân, tổ chức đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi, giải thưởng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo do cấp có thẩm quyền tổ chức ở địa phương, cấp quốc gia hoặc được công nhận là giải thưởng quốc tế có uy tín: thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

7. Dự toán chi truyền thông, phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: xây dựng tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản, tác phẩm văn học nghệ thuật, chương trình truyền hình; tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công của Việt Nam; các nội dung khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội). Dự toán kinh phí đối với hoạt động truyền thông truyền thông, phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được lập theo các quy định như sau:

a) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

b) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Thực

hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

c) Đối với chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP;

d) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội, nhuận bút): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

đ) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công của Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

e) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, sản phẩm, nội dung truyền thông, căn cứ quy định tại điểm a và điểm b khoản này để phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao theo thẩm quyền, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ.

8. Dự toán chi hoạt động thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Dự toán chi xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia, bao gồm:

a1) Chi thuê chuyên gia (trong nước và quốc tế) để xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, và cơ sở dữ liệu. Mức chi thuê chuyên gia trong nước và quốc tế được xác định theo hợp đồng khoán việc, trên cơ sở thương thảo, thuyết minh rõ kết quả và tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

a2) Chi khảo sát, điều tra, thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; Thông tư số 109/2016/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC;

a3) Chi mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu, mua thông tin, tài liệu về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, chuyên gia căn cứ vào sự cần thiết, số lượng quyền truy cập/gói cần thiết, báo giá từ nhà cung cấp dịch vụ hoặc giá niêm yết tại thời điểm lập dự toán;

a4) Chi xây dựng và phát triển phần mềm, ứng dụng để quản lý cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia thực hiện theo báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp tại thời điểm lập dự toán.

b) Dự toán chi thúc đẩy giao dịch, kết nối thị trường khoa học và công nghệ: thuê địa điểm, truyền thông, hỗ trợ trưng bày, giới thiệu công nghệ, chi phí đi lại, vận chuyển để tổ chức các sự kiện xúc tiến chuyển giao công nghệ; chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ, bao gồm:

b1) Chi tổ chức sự kiện xúc tiến chuyển giao công nghệ, giao dịch, kết nối thị trường (thuê địa điểm, truyền thông, hỗ trợ trưng bày, giới thiệu công nghệ, chi phí đi lại, vận chuyển) thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b2) Chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ. Mức chi thuê chuyên gia xác định căn cứ báo giá dịch vụ tư vấn của công ty/tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán, áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV;

c) Dự toán chi hỗ trợ mua phần mềm chuyên dụng, tài liệu chuyên môn, học liệu; tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ, bao gồm:

c1) Chi hỗ trợ mua phần mềm chuyên dụng, tài liệu chuyên môn, học liệu phục vụ định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ thực hiện theo báo giá hoặc hợp đồng dự kiến của đơn vị cung cấp;

c2) Chi tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyển giao công nghệ: Chi phí tổ chức khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề thực hiện theo theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

d) Dự toán chi khảo sát, nghiên cứu thị trường, bao gồm:

d1) Chi thuê dịch vụ khảo sát, nghiên cứu thị trường (bao gồm thuê chuyên gia, thuê đơn vị nghiên cứu) thực hiện theo hợp đồng và báo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ tại thời điểm lập dự toán, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

d2) Chi tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý số liệu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư

số 12/2025/TT-BTC; Thông tư 109/2016/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC;

d3) Chi công tác phí, chi hội nghị phục vụ công tác khảo sát, nghiên cứu thị trường theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

Chương IV

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 40. Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật. Cụ thể như sau:

1. Dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng, thuyết minh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan; căn cứ vào các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành (nếu có), định mức xây dựng dự toán quy định tại Thông tư này và các chế độ, chính sách, quy định pháp luật của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Trên cơ sở quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chủ động phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 41. Phân bổ dự toán, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được cơ quan có thẩm quyền giao, các bộ, ngành, địa phương thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước có huy động các nguồn tài chính khác ngoài ngân sách để thực hiện, việc phân bổ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ theo tỷ lệ tham gia của ngân sách nhà nước vào nhiệm vụ đã được phê duyệt và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Các đơn vị, tổ chức được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí được giao theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật khác có liên quan.

3. Việc cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện khi tổ chức chủ trì đã cung cấp đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Việc cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Việc lập dự toán, thanh, quyết toán, kiểm toán kinh phí ngân sách nhà nước theo khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Việc điều chỉnh và xử lý kinh phí tiết kiệm đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo phương thức khoán chi được quy định như sau:

a) Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tự quyết định điều chỉnh giữa các khoản mục chi, nội dung chi, quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận; không phải quyết toán chi tiết theo từng khoản mục, nội dung chi, quyết toán tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mục khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm cuối cùng; tự chịu trách nhiệm, đảm bảo công khai, minh bạch trong nội bộ tổ chức chủ trì;

b) Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu: tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được điều chỉnh trong từng nội dung chi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, được quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận. Trong trường hợp có sự thừa thiếu trong từng nội dung chi của mỗi nội dung nghiên cứu thực hiện khoán chi, tổ chức chủ trì chủ động phê duyệt dự toán chi tiết điều chỉnh, gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ để theo dõi;

c) Xử lý kinh phí tiết kiệm khi kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

c1) Đối với phần kinh phí tiết kiệm được từ các nội dung đã thực hiện khoán chi: tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hạch toán phần kinh phí tiết kiệm là nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị và được toàn quyền sử dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức chủ trì;

c2) Đối với phần kinh phí tiết kiệm được từ các nội dung không khoán chi: tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp lại ngân sách Nhà nước theo quy định.

5. Việc chuyển nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 42. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản thông báo về kết quả đánh giá và báo cáo đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, tổ chức chủ trì có trách nhiệm lập và nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán kinh phí nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật liên quan cho cơ quan quản lý nhiệm vụ.

3. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, tổ chức chủ trì có trách nhiệm lập và nộp đầy đủ hồ sơ về tổng kinh phí đã sử dụng, kinh phí còn lại, kinh phí phải hoàn trả theo quy định (nếu có) của nhiệm vụ

theo quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật liên quan cho cơ quan quản lý nhiệm vụ.

4. Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện cho từng nội dung của hợp đồng, không phải quyết toán tổng thể hợp đồng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 43. Tổ chức thực hiện

Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình, nhiệm vụ và hoạt động hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15[2] tiếp tục thực hiện theo quy định Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo quy định tại các khoản 3 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 thực hiện theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

---

[2] Cụm từ "*Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15*" được thay thế bởi cụm từ "*Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15"* theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc thời gian thực hiện Chương trình.

3. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 quy định tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc thời gian thực hiện Chương trình.

Điều 45. Hiệu lực thi hành[3]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư này.

---

[3] Điều 12 Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026 quy định như sau:
"*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.*
2. Thay thế cụm từ "Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15" bằng cụm từ "Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15" tại khoản 1 Điều 44 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời giải quyết."

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời giải quyết./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 06 *tháng* 11 *năm 2026*

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ KHCN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cổng TTĐT của Bộ KHCN (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTC

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Vũ Hải Quân